

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2025

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Chiến

2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thuỳ Trang - thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo: Ông Võ Hồng Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2025/TLST-HN ngày 13/3/2025 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2025/QĐXX – ST ngày 9 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Trần Thanh T – sinh năm: 1987;

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh T.

*** Bị đơn:** Nguyễn Thị Ánh T - sinh năm: 1990;

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh T

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Thanh T trình bày:**

- Về tình cảm: Tôi và chị T sống chung và cưới nhau vào 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh T. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dù chúng tôi đã cố gắng hoà hợp nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Nay tôi không còn tình cảm với chị T nên tôi yêu cầu được ly hôn với chị T

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Khả H – sinh ngày 20/01/2014 và Trần Thanh Gia B – sinh ngày 02/3/2017. Hiện nay hai con đang sống chung với chúng tôi. Khi ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, còn cháu B để cho chị T nuôi dưỡng. Cả hai không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị Ánh T trình bày:**

- Về tình cảm: Tôi và anh T sống chung và cưới nhau vào 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh T. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn thì không lớn, chủ yếu mâu thuẫn với mẹ chồng, chúng tôi đã ly thân đến nay hơn 10 tháng, nay tôi không đồng ý ly hôn với anh T, tôi muốn có thời gian để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Khả H – sinh ngày 20/01/2014 và Trần Thanh Gia B – sinh ngày 02/3/2017. Hiện nay hai con đang sống chung với tôi. Khi ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng/01 tháng.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thanh T trình bày:** Anh T yêu cầu được ly hôn với chị T. Về con chung, anh đồng ý giao cả hai con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/01 tháng/01 con. Về tài sản chung, nợ chung; không có.

*** Tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị Ánh T trình bày:** Chị không đồng ý ly hôn với anh T, chị muốn xin anh T một cơ hội nữa, mâu thuẫn giữa anh và chị không lớn, chủ yếu là mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu, tiền nong trong gia đình, chị muốn con sống có cha có mẹ, ngoài ra chị hiện nay đang sống bên gia đình anh T nên chị cần có thời gian để chuyển công việc về quê của chị. Trong trường hợp tòa buộc phải ly hôn, chị xin nuôi cả hai con chung, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/01 tháng/01 con. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:**

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thanh T đối với chị Nguyễn Thị Ánh T. Giao cháu Hân và cháu Bảo cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/01 tháng/01 con. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị T, do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Do chị T thường trú tại: ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh T nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử xét thấy: anh T trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, chị T không biết cách vun vén trong gia đình, không chuẩn mực, lễ phép với mẹ chồng, không có tiếng nói chung dù đã cố gắng hoà hợp nhưng vẫn không thể hàn gắn được, anh chị đã ly thân đến nay đã trên 10 tháng. Chị T trình bày, chị không đồng ý ly hôn với anh T, bởi lẽ giữa anh chị không có mâu thuẫn gì lớn, chủ yếu là chị mâu thuẫn với mẹ chồng, chị còn thương anh T và vì hạnh phúc của 02 con, chị xin anh cho chị thêm cơ hội để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, hiện nay anh chị đã ly thân trên 10 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, chị và anh T đã ly thân đến nay trên 10 tháng nhưng chị T không có biện pháp nào hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T nhất quyết ly hôn với chị nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T

[4] Về con chung: có 02 con chung tên Trần Khả H – sinh ngày 20/01/2014 và Trần Thanh Gia B – sinh ngày 02/3/2017. Hiện nay cháu H, cháu B đang sống chung với chị T, cháu và cháu B có nguyện vọng được sống chung với chị T, anh T cũng đồng ý để 02 con sống chung với chị T nên để đảm bảo cháu H và cháu B phát triển ổn định về mặt vật chất lẫn tinh thần đồng thời cũng theo nguyện vọng của các cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu H và cháu B cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/01 tháng/01 con, thời gian cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thanh T. Anh Trần Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ánh T

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Khả H – sinh ngày 20/01/2014 và Trần Thanh Gia B – sinh ngày 02/3/2017 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Anh T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/01 tháng/01 con.

+ Thời gian cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

+ Người nào không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Trần Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung được trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí theo biên lai thu số 0008601 ngày 07/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Anh T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Còn đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã Đông Hoà Hiệp, huyện Cái Bè, TG
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Tuyết Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA